

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠ TÊH
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:05/2024/ HNGĐ -ST

Ngày: 28-5-2024.

V/v “Tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ TÊH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Thủy - Ông Phan Minh Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đạ Têh, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Têh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 5 năm 2024. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đạ Têh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 137/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023, về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/QĐXX-ST ngày 17/4/2024, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt”

- Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “ Vắng mặt lần 2 không có lý do”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay thì nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Lê Văn C kết hôn với nhau năm 1992 tại UBND xã N, huyện A, tỉnh Bình Định. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không thể hòa giải. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đạ Têh giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn C.

Về con chung: Chị và anh C có 03 người con chung là Lê Thị Bích T, sinh ngày 30/8/1993; Lê Thị Bích L, sinh ngày 29/8/1996 và Lê Thị Bích L1, sinh ngày 10/6/2000. Các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không nợ ai.

* Bị đơn anh **Lê Văn C**: Đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên họp và hòa giải, phiên tòa lần 1 và lần 2 không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đa Tềh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án như sau:

+ Thủ tục tố tụng: Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án cũng như đương sự là nguyên đơn tại phiên tòa đều chấp hành đúng qui định tại: các Điều 170; 171; 172; 191; 195; 196; 205; 208; 209; 210 và Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28; các Điều 35; 147 và Điều 171 BLTTDS. Khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; Điều 6; Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử: Chị **Lê Thị H** được ly hôn anh **Lê Văn C**.

- Tài sản và công nợ: Không tài sản chung và không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Án phí: Chị **Phạm Thị H1** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu kiến nghị của các đương sự và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật: Chị **Lê Thị H** có đơn yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh **Lê Văn C**. Đây là vụ kiện tranh chấp “*Xin ly hôn*” được qui định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[II] Nội dung vụ án:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị H** và anh **Lê Văn C** chung sống với nhau, đăng ký kết hôn năm năm 1992 tại **UBND xã N, huyện A, tỉnh Bình Định**. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng xin được ly hôn của chị **H** là phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy cần xử cho chị **H** được ly hôn anh **C** để giải phóng cho cả hai bên, xét là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

2.2. Về con chung: Các cháu đã trưởng thành nên không xem xét.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu chia tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[III] Án phí: Chị **Lê Thị H** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **Lê Thị H** đối với anh **Lê Văn C**. Xử cho chị **Lê Thị H** được ly hôn anh **Lê Văn C**.

[2] Về án phí: Chị **Lê Thị H** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị **H** đã nộp đủ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007818 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đạ Tẻh;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự trong vụ án;
- Chi cục Thi Hành án dân sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Tiến Dũng

